

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 68 /CĐXD-TCKT  
V/v báo cáo thực hiện việc  
THTK, CLP trong năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Vụ Kế hoạch Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Căn cứ công văn số 6510/BLĐTBXH – VKHTC ngày 24/12/2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc triển khai công điện số 125/CĐ-TTg ngày 01/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ và báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024.

Trường Cao Đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh báo cáo thực hiện nhiệm vụ:

-Nhà trường đã thực hiện báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả THTL,CLP năm 2024 (kèm Phụ lục 02)

-Và Bảng tiêu chí đánh giá kết quả THTK,CLP trong chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024 (Phụ lục số 01-B)

Nay trường Cao Đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh kính trình công văn này, báo cáo đến lãnh đạo Vụ Kế hoạch –Tài chính thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng ./. ✓

**Nơi nhận:**

- Nhu trên
- Lưu: VT, TCKT.



Ths. Nguyễn Bá Khiêm

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2024**

(kèm theo công văn số 68.../CDXD-TCKT ngày 20 tháng 01 năm 2025  
của trường Cao đẳng xây dựng Tp. Hồ Chí Minh)

Căn cứ công văn số 6510/BLĐTBXH – VKHTC ngày 24/12/2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc triển khai công điện số 125/CD-TTg ngày 01/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ và báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024; trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (viết tắt là “THTK, CLP”) năm 2024 như sau:

**I. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo THTK, CLP**

**1. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP**

Trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục tổ chức, quán triệt và triển khai thực hiện đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các chủ trương đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về THTK, CLP như: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 năm 2013; quyết định số 90/QĐ-LĐTBXH ngày 19/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành kế hoạch hành động của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ; công điện số 125/CD-TTg ngày 01/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh THTK, CLP; Quyết định số 441/QĐ-BLĐTBXH ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Chương trình tổng thể của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về THTK, CLP năm 2024;

Đơn vị đã xây dựng các định mức, tiêu chuẩn và chế độ đều dựa trên mục tiêu là quản lý và sử dụng thống nhất các nguồn thu, chi đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng hiệu quả tiết kiệm và hợp lý.

**2. Kết quả thực hiện Chương trình THTK, CLP**

Trên cơ sở Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước, của Bộ Xây dựng thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để ban hành các Quy chế: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế làm việc, Quy chế thực hiện dân chủ, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế sử dụng tài sản công.....góp phần đưa công tác phòng chống tham nhũng, THTK, CLP đạt kết quả cao.

Công khai sử dụng ngân sách Nhà nước và các nguồn tài chính được giao thực hiện bằng nhiều hình thức như: thông qua hội nghị cán bộ công chức hàng năm, các cuộc họp cán bộ chủ chốt và thông báo trên cổng thông tin điện tử của đơn vị.



Thông báo công khai quyết toán và dự toán thu chi ngân sách hàng năm; tình hình thu chi và sử dụng kinh phí hoạt động của nhà trường; việc thực hiện các chính sách chế độ đối với công chức, viên chức người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi cán bộ hưu trí, trợ cấp khó khăn, thăm hỏi...với tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí

### **3. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THPT, CLP đến toàn thể đơn vị**

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THPT, CLP nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THPT, CLP đối với cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội; xây dựng văn hóa phòng, chống lãng phí, đưa THPT, CLP trở thành tự giác, tự nguyện. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THPT, CLP; thực hiện các biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí.

Phối hợp với công đoàn, tổ chức, tuyên truyền phổ biến tại các cuộc họp tổng kết năm của cơ quan, ngoài ra gửi cho các đơn vị chức năng các văn bản liên quan, Quy chế chi tiêu nội bộ, kế hoạch xây dựng THPT, CLP của trường để cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cùng nắm và thực hiện. Đây là nhiệm vụ thường xuyên của trường. Vì vậy, kết quả công tác THPT, CLP thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được tăng cường.

### **4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP**

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về các lĩnh vực công tác liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết xử lý nghiêm những công chức, viên chức có hành vi vi phạm.

Phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện tốt quy chế dân chủ, có hình thức khen thưởng phù hợp đối với người có công phát hiện những hành vi lãng phí.

Thường xuyên cập nhật các văn bản qui phạm pháp luật về thanh tra, kiểm tra phòng, chống tham nhũng thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức.

## **II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THPT, CLP trong các lĩnh vực**

### **1. THPT, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**

- Trong năm 2024 nhà trường đã xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện; Quy chế chi tiêu nội bộ; Các quy trình thủ tục thanh quyết toán, Quy chế tổ chức hoạt động, Quy chế làm việc, Quy chế Quản lý sử dụng tài sản, Theo dõi tài sản tại đơn vị sử dụng...các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các lĩnh vực và là hoạt động xuyên suốt trong thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

- Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước. Nhà trường thực hiện công khai, thảo luận rộng rãi trong đơn vị các nội dung theo đúng quy định của pháp luật: công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước và

các nguồn tài chính được giao, công khai mua sắm, sử dụng trang thiết bị làm việc, công khai quản lý, sử dụng trụ sở làm việc và các tài sản khác của đơn vị.

- Công khai định mức, tiêu chuẩn, chế độ áp dụng chung trong toàn trường việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ của nhà trường và việc chấp hành các chế độ, định mức theo quy định của nhà nước đối với các nội dung: thanh toán công tác phí, chi phí hội nghị... việc trích lập và sử dụng các quỹ, sử dụng các nguồn kinh phí thu, chi khác tại nhà trường.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc xây dựng định mức, tiêu chuẩn, chế độ thuộc trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị phải phù hợp với việc xây dựng kế hoạch ngân sách gắn với nhiệm vụ kế hoạch năm của đơn vị.

## **2. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN).**

- Việc lập dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm được đơn vị căn cứ vào đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Trong quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công. Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả kinh phí ngân sách nhà nước, tài sản nhà nước. Thông báo công khai, minh bạch dự toán và quyết toán ngân sách, các khoản thu học phí, thu sự nghiệp. Quản lý thu, chi đầy đủ và theo đúng quy định. Lập báo cáo kịp thời đầy đủ cho cơ quan chủ quản.

- Tiếp tục thực hiện các quy định về tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2024 từ nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu sự nghiệp học phí, lệ phí được để lại, nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ. Chênh lệch thu chi sẽ được trích lập vào các Quỹ, phục vụ cho phúc lợi tập thể, hoạt động phát triển sự nghiệp để tái đầu tư cơ sở vật chất và ổn định thu nhập cho cán bộ nhân viên của Trường.

- Việc sử dụng và quản lý NSNN cấp được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước và được kiểm soát chi chặt chẽ của Kho bạc nhà nước. Đề đảm bảo kinh phí hoạt động trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị và chuyên môn thường xuyên đòi hỏi Nhà trường phải thực hiện các biện pháp chính sách tiết kiệm chi tiêu, cắt giảm chi phí tối đa. Nguồn chi này chủ yếu chi trả lương, các khoản phụ cấp theo lương và trích nộp theo lương cho người lao động, một phần chi cho các hoạt động thường xuyên.

- Về mua văn phòng phẩm: thực hiện có kế hoạch, đúng nhu cầu, giá hợp lý, đúng tiêu chuẩn và có quản lý.

- Tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng điện nước trong cơ quan mọi cán bộ, công chức đều phải có ý thức thực hành tiết kiệm điện hết giờ làm các phòng phải kiểm tra tắt các thiết bị sử dụng điện, phải chú ý khóa các van nước khi không có nhu cầu sử dụng. Chi phí sử dụng điện năm 2023 chỉ 468 triệu đồng năm 2024 chỉ 887 triệu đồng kết quả tăng 89% so với năm 2023. Chi phí sử dụng nước

năm 2023 chi 189 triệu đồng năm 2024 chi 309 triệu đồng kết quả đạt tăng 63% so với năm 2023. Do dự án nhà Đa năng của đơn vị đã hoàn thành và đã đưa vào khai thác sử dụng trong năm 2024.

- Về sử dụng xăng dầu năm 2024 chi 35 triệu đồng.

- Các khoản chi hội nghị, hội thảo của cơ quan phải có kế hoạch, nội dung thiết thực, số lượng người tham dự, địa điểm, thời gian tổ chức được Ban lãnh đạo phê duyệt. Hội thảo năm 2023 chi 106 triệu đồng năm 2024 chi 36 triệu đồng kết quả giảm 66% so với năm 2023.

### **3. THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý của đơn vị**

- Trong việc quản lý, sử dụng phương tiện đi lại đơn vị đã thực hiện các biện pháp THPTK, CLP trong việc bảo quản phương tiện đi lại, sử dụng nhiên liệu theo đúng định mức tiêu hao để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm nhất. Và xây dựng chế độ sử dụng phương tiện đi lại theo đúng quy định hiện hành. Công tác bố trí phương tiện đi lại thực hiện đúng mục đích, phục vụ thiết thực cho công việc, không có tình trạng sử dụng xe công sai mục đích.

- Quản lý, sử dụng đúng quy định và khai thác có hiệu quả các phương tiện, thiết bị làm việc đã được trang bị tại trường. Việc trang bị máy vi tính và các thiết bị văn phòng khác đúng theo định mức, tiêu chuẩn trang thiết bị thực sự cần thiết phục vụ công tác chuyên môn, có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Việc mua sắm tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định, quy trình về việc mua sắm, sử dụng tài sản từ ngân sách Nhà nước. Vận dụng tối đa tài sản hiện có nên trường chỉ mua một số trang thiết bị thực sự cần thiết phục vụ cho công tác dạy và học. Hàng năm nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, mở sổ theo dõi quản lý và sử dụng tài sản.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về các lĩnh vực công tác liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết xử lý nghiêm những công chức, viên chức có hành vi vi phạm trong việc bao quản, gây hư hỏng, thất thoát tài sản của nhà trường.

### **4. THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, và công trình thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của đơn vị.**

- Trong các dự án đầu tư xây dựng nhà trường sử dụng vốn đầu tư xây dựng đảm bảo thực hiện đúng tiêu chuẩn, quy định, định mức, đơn giá, quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và đấu thầu. Thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý vốn đầu tư xây dựng đảm bảo tiết kiệm hiệu quả. Phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thường xuyên cập nhật các văn bản qui phạm pháp luật về thanh tra, kiểm tra phòng, chống tham nhũng thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức xử lý kịp thời các trường hợp lãng phí xảy ra.

BÌNH DƯƠNG

- Việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc đơn vị sử dụng đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả

### **5. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động thuộc quyền quản lý của đơn vị.**

Thực hiện chính sách tạo nguồn chi cải cách tiền lương gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐCP của Chính phủ.

Nhà trường tiếp tục xây dựng đề án vị trí việc làm và xác định số lượng người làm việc theo hướng tinh giản, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; Tiến hành rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng không xác định thời hạn trong đơn vị.

Trong quản lý, sử dụng lao động của đơn vị:

- Tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được Bộ Lao động – thương binh và Xã hội giao năm 2024: 169 người, gồm:

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 147 người;

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của Trường: 02 người;

+ Số hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 20 người.

- Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động có mặt ngày 31/12/2024: 154 người, giảm 15 người, gồm:

+ Giảm số người làm việc 14 người, Trong đó:

- 01 người nghỉ làm việc để hưởng chế độ hưu trí;
- 13 người nghỉ làm việc do chấm dứt hợp đồng lao động.

+ Giảm 01 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP (01 người nghỉ làm việc hưởng chế độ hưu trí, 01 người nghỉ làm việc do đến tuổi về hưu, tuyển dụng 01 người).

Trong công tác sắp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị:

- Số đơn vị, bộ phận thuộc trường tại thời điểm 01/01/2024: 17 đơn vị, bộ phận. - Số đơn vị, bộ phận thuộc trường tại thời điểm 31/12/2024: 15 đơn vị, bộ phận, giảm 02 đơn vị bộ phận so với đầu năm.

Kết hợp rà soát nhà trường thực hiện tinh giản biên chế theo tỷ lệ quy định.

Trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động:

Trường là đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, căn cứ vào các quy định pháp luật. Trường xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện quy chế làm việc và quy định tuyển dụng, sử dụng lao động để quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

BỘ L. D. T. B. VÀ X. H.

Căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao, đề án vị trí việc làm của Trường, yêu cầu thực tế thực hiện nhiệm vụ. Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng lao động hàng năm, kế hoạch thời gian làm việc hàng năm.

- Ứng dụng công nghệ, hiện đại hóa và yêu cầu cải cách hành chính:

Thực hiện tự động hóa quản lý người lao động đến làm việc và quan sát người lao động trong quá trình làm việc các cơ sở của trường.

#### **6. THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại đơn vị thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của đơn vị.**

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định, quy trình về việc mua sắm, sử dụng tài sản từ ngân sách Nhà nước. Vận dụng tối đa tài sản hiện có nên trường chỉ mua một số trang thiết bị thực sự cần thiết phục vụ cho công tác dạy và học. Hàng năm nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, mở sổ theo dõi quản lý và sử dụng tài sản.

#### **7. THPTK, CLP trong hoạt động sản xuất kinh doanh tiêu dung của cán bộ công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.**

Không có

#### **8. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:**

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: 0.

- Số vụ việc đã được xử lý: 0.

- Số người vi phạm và hình thức xử lý: 0

#### **9. Phân tích, đánh giá**

a) Đánh giá kết quả đạt được

- Nhìn chung trong năm 2024 đơn vị đã xây dựng được chương trình THPTK, CLP, xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, trách nhiệm tổ chức thực hiện của từng phòng, đơn vị; triển khai tuyên truyền, phổ biến kế hoạch và các quy định của pháp luật về THPTK, CLP đến toàn thể đảng viên, công chức, viên chức, người lao động. Từ đó nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong THPTK, CLP.

- Về kết quả đạt được trong năm 2024 cơ bản đã đảm bảo được các nhiệm vụ, chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch năm. Đã thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng chống lãng phí tại đơn vị, công khai các hoạt động của nhà trường theo quy định.

- Việc thực hiện chế độ định mức tiêu chuẩn chi tiêu được công khai minh bạch trong hoạt động của nhà trường đúng theo quy định.

b) Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong công tác THPTK, CLP.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Hiệu quả sử dụng thời gian lao động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa cao.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về THTK, CLP tuy được quan tâm nhưng còn thiếu sự phối hợp, chưa thực hiện thường xuyên

c) Những kinh nghiệm rút ra.

- Cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến những quy định và chương trình, kế hoạch về thực hành tiết kiệm chống lãng phí đến mọi người, đặc biệt là đến những người trực tiếp tham mưu tổ chức thực hiện công tác này tại các phòng, ban, khoa của đơn vị về trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

### **III. Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội theo Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ**

Trong năm đơn vị đã rà soát, đối chiếu với các định mức, tiêu chuẩn mới được ban hành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ; quy trình thủ tục thanh toán; thực hiện tự kiểm tra, công khai, minh bạch dự toán thu, chi ngân sách; công khai việc mua sắm, sử dụng tài sản nhà nước; tăng cường công tác giám sát của Ban Thanh tra nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ của các phòng, ban, khoa, bộ môn trong toàn đơn vị. Đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và đúng theo quy trình, thủ tục quy định.

### **IV. Tự đánh giá chấm điểm kết quả THTK, CLP trong chi thường xuyên năm 2024 của đơn vị theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính**

Phụ lục số 01-B

### **V. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về THTK, CLP cần tập trung triển khai thực hiện trong năm tiếp theo**

#### **1. Phương hướng, nhiệm vụ**

- Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là một nhiệm vụ quan trọng do vậy trong năm 2024 thực hiện Chương trình THTK, CLP nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng lãng phí trong các hoạt động của toàn đơn vị.

- Trên cơ sở Chương trình THTK,CLP hàng năm đơn vị xem xét điều chỉnh, bổ sung về nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp và cụ thể hóa thành kế hoạch năm 2025 để tổ chức thực hiện;

#### **2. Các giải pháp**

- Tiếp tục triển khai và thực hiện có hiệu quả Luật THTK,CLP nghiêm túc thực hiện Chương trình hành động của chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả ngân sách, tài sản nhà nước, trang thiết bị, cơ sở vật chất của đơn vị; Thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ, quy định về mua sắm và quản lý sử dụng tài sản nhà nước;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, gắn công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí với công tác phòng chống tham nhũng trong đơn vị;

- Tiếp tục triển khai thường xuyên công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các chủ trương, chính sách mới của Đảng



và Nhà nước, của Bộ chủ quản có liên quan đến Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tới toàn thể đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong toàn đơn vị;

- Định kỳ kiểm tra, thẩm định việc tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định và rút kinh nghiệm, biểu dương khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong công tác này.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



*Ths. Nguyễn Bá Khiêm*



Phụ lục 02

(Kèm theo công văn số 6510/BLLĐTBXH-VKHTC ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội)

**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**  
Năm 2024

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị, thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>	triệu đồng						
<b>1</b>	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>	triệu đồng						
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>	triệu đồng						
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng						Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt:
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						chi
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						được
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						duyệt:
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						mức
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						khoản
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						chi
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						được
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						duyệt
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						



ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
	<i>Thâm định, phê duyệt dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	triệu đồng						
	<i>Các nội dung khác</i>	triệu đồng						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>	triệu đồng						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>	triệu đồng						
III	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>	triệu đồng						
<b>1</b>	<b>Phương tiện đi lại ( ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc						
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Tài sản khác</b>							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Các nội dung khác</b>	triệu đồng						
IV	<b>Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>	triệu đồng						
<b>1</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>	triệu đồng						
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						tiết kiệm so với dự toán được
	- <i>Thâm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	- <i>Thâm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy-bỏ							

(H) (H) (H)  
 (H) (H) (H)  
 (H) (H) (H)  
 (H) (H) (H)  
 (H) (H) (H)  
 (H) (H) (H)  
 (H) (H) (H)  
 (H) (H) (H)  
 (H) (H) (H)  
 (H) (H) (H)

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
	Số lượng	đư án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Tổng diện tích nhà công vụ cuối kỳ	m2						
3.5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.7	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>							
<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
<b>2</b>	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	đư án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>	triệu đồng						
<b>VI</b>	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>							
<b>1</b>	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
<b>2</b>	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
<b>3</b>	Các nội dung khác	triệu đồng						
<b>VII</b>	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>							

NG  
/  
/NG  
/  
/ÁNC  
/  
/LƯN  
/  
/PH  
/  
/MIN  
/

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
<b>1</b>	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>	triệu đồng						
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	lít						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Quản lý đầu tư xây dựng</b>	triệu đồng						
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng						
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Mua sắm tài sản, phương tiện</b>							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	chiếc						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	triệu đồng						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	triệu đồng						
	<i>Số lượng xe cuối kỳ</i>	chiếc						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	triệu đồng						
<b>5</b>	<b>Nợ phải thu khó đòi</b>							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
<b>VII</b>	<b>Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân</b>							
<b>I</b>	<b>Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THPT, CLP</b>							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
<b>IX</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP</b>							

BẢNG  
 KẾT QUẢ  
 HỌI

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/ tổ chức/đơn						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT,CLP được phát hiện	cơ quan/ tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

*Vũ Ngọc Châu*

....., ngày... 20... tháng... 01... năm... 2025.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



*Ths. Nguyễn Bá Khiêm*

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**PHỤ LỤC SỐ 01-B**

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ  
TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2023**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài  
chính)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	<b>62</b>
<b>A.</b>	<b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II)</b>	<b>70</b>	<b>62</b>
I	Kết quả tiết kiệm một số chi tiêu cụ thể	55	47
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	6
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	6
3	Chi sử dụng điện	6	6
4	Chi xăng, dầu	6	6
5	Chi sử dụng nước	6	6
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	5
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	6
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	6
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	
II	Việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế	15	15
1	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10
	Thực hiện, đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
2	Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bảo đảm	5	5



	tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.		
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	5	5
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
<b>B.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	
<b>C.</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>		
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	

....., ngày 20 tháng 01 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ths. Nguyễn Bá Khiêm

